TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày: 16-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng
2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** ông Lê Hồng Toản - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 126/2017/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Quang T;** Sinh năm 1987, tại ĐN

Nơi cư trú: khu Đ, thị trấn Đ1, huyện B, tỉnh Bình Phước.Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; con ông Lê Quang T1 và bà Phạm Thị Đ; Có vợ là Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2005; Bị cáo có 01 em ruột sinh năm 1990, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Tiền sự: Không. Tiền án: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xét xử 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS, tại bản án số 53 ngày 16/8/2007. Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xét xử 20 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS, tại bản án số 22 ngày 25/01/2011. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/10/2017 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:* anh Vũ Đình T2; sinh năm: 1985 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.
-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+Anh Lê Quang H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: khu Đ, thị trấn Đ1, huyện B, tỉnh Bình Phước.
+ Anh Lê Thanh S; sinh năm: 1997 (Vắng mặt)
HKTT: Ấp 6, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.
Trú tại: Thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Anh Nguyễn Quang V, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp 2, xã M1, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Người làm chứng:*
Anh Phạm Văn T3, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn 6, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Chị Trần Thị H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn 1, xã M1, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 24/7/2014 anh Vũ Đình T2 điện thoại di động gọi cho anh Phạm Văn T3 (là người chở xe lôi thuê) đến nhà anh T2 để chở hạt điều đi bán, anh T3 điều khiển xe lôi đến nhà anh T2, chở số lượng 583kg hạt điều nhân trắng (đã bóc vỏ lụa làm sạch hoàn toàn) đến xưởng chế biến hạt điều Thành H ở tại thôn 1, xã M1, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Anh T3 chở hạt điều đi trước, còn T2 chạy xe môtô (không xác định biển số) chở theo Lê Quang T (là người làm thuê cho anh T2) đi sau. Khi tất cả cùng tới xưởng điều và bốc số hạt điều trên xe xuống để cân thì anh T2 với anh T3 đi bộ qua quán cà phê "Nhân Duyên" (cách đó khoảng 50m) để uống nước. Trước khi đi, anh T2 nói T ở lại xưởng cân điều và nhận tiền bán hạt điều để đưa lại cho anh T2. Lúc này, chị Trần Thị H, (là chủ xưởng điều) đứng ra cân số hạt điều trên và tính tiền. Sau khi cân hạt điều xong, chị H đưa cho T số tiền 67.421.000đ (sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng). Do cầm được số tiền lớn nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt để tiêu xài, T cất toàn bộ số tiền trên vào trong túi quần rồi điều khiển xe mô tô (của anh T2) đi đến tiệm cắt tóc của anh Nguyễn Quang V, ở ấp 2, xã M1, huyện Bù Đăng, T gửi chìa khóa xe cùng xe môtô cho anh Lê Thanh S, HKTT: ấp 6, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau (là thợ hớt tóc tại tiệm anh V) nhờ giữ giùm và sẽ đến lấy sau. Sau đó, T đón xe khách bỏ trốn về Tp. Hồ Chí Minh sinh sống và đã tiêu xài hết số tiền trên. Sau khi T cầm tiền bỏ trốn ngày 25/7/2014, anh T2 làm đơn trình báo cơ quan Công an. Tới ngày 06/10/2017, T bị bắt và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bù Đăng đã ra quyết định khởi tố, điều tra đối với Lê Quang T về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Tại bản cáo trạng số: 119/CTr –VKS ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Lê Quang T về "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Quang T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra, bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: tại biên bản lời khai thì người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Quang T đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích toàn bộ tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 140; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng. Tại các bạn lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo trình bày nội dung là hoàn toàn tự nguyện. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo đối cH với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê Quang T phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã có hành vi được sự tin tưởng của anh T2 sau khi cân bán hạt điều cho anh T2, bị cáo cầm được số tiền 67.421.000đ bị cáo không đưa lại cho anh T2 mà bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này của anh T2. Bị cáo đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 67.421.000đ với mục đích tiêu xài cá nhân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do ham lợi muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động chân tay. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lạm dụng sự tín nhiệm của người khác để chiếm đoạt tài sản, xâm

phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bản thân của bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử, cụ thể: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xét xử 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS, tại bản án số 53 ngày 16/8/2007. Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xét xử 20 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS, tại bản án số 22 ngày 25/01/2011. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Do đó, đối với lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn khỏi địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên bị cáo đã thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 140, điểm b,p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Quang T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2017. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Quang T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.,

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi....giờ.....ngày 06 tháng 02 năm 2018;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng và ông Nguyễn Quang Liêu.

T2 hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 130/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với:

Bị cáo **Lê Thị Kim Nga; Sinh năm 1960,** tại Bình Định**.**

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Nghị án kết thúc vào hồi…..giờ..……phút.., ngày 04 tháng 01 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Dũng – Nguyễn Đăng Bảy **Lê Thành Long**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: /BB – NA	*Bù Đăng, ngày 01 tháng 8 năm 2017*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu và bà Lê Thị Thận

- Căn cứ vào Điều 199 và 222 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 01 tháng 8 năm 2017, Tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã T2 hành nghị án đối với vụ án: "Trộm cắp tài sản".

Đối với bị cáo:

Họ và tên: : **Huỳnh Ngô Tạo (Tạo già); Sinh năm: 1981**, tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

HKTT: Số 25, đường Nguyễn Du, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện về ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án cụ thể như sau: [1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngô Tạo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngô Tạo 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2017.

[2] Về vật chứng vụ án**:** Áp dụng Điều 41 bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình chữ "T" dài khoảng 12 x 8cm một đầu dạng tròn có hình lỗ lục giác; 01 thanh kim loại có một đầu lục giác , một đầu dẹp nhọn dài khoảng 07cm; 01 con dao thái lan dài 22 cm, cán gỗ dài khoảng 11cm, lưới kim loại, múi nhọn dài khoảng 11cm và 01 con dao bấm dài khoảng 19cm, có ký hiệu USA (theo biên bản giao nhận vật chứng số 0009502 ngày 11/5/2017 và biên bản giao nhận vật chứng số 0009517 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Ngô Tạo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú. (Biểu quyết 3/3).

Ngoài ra, chúng tôi không quyết định nội dung gì thêm, biên bản kết thúc vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, đã thông qua.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Liêu **Lê Thị Thận** **Lê Thành Long**